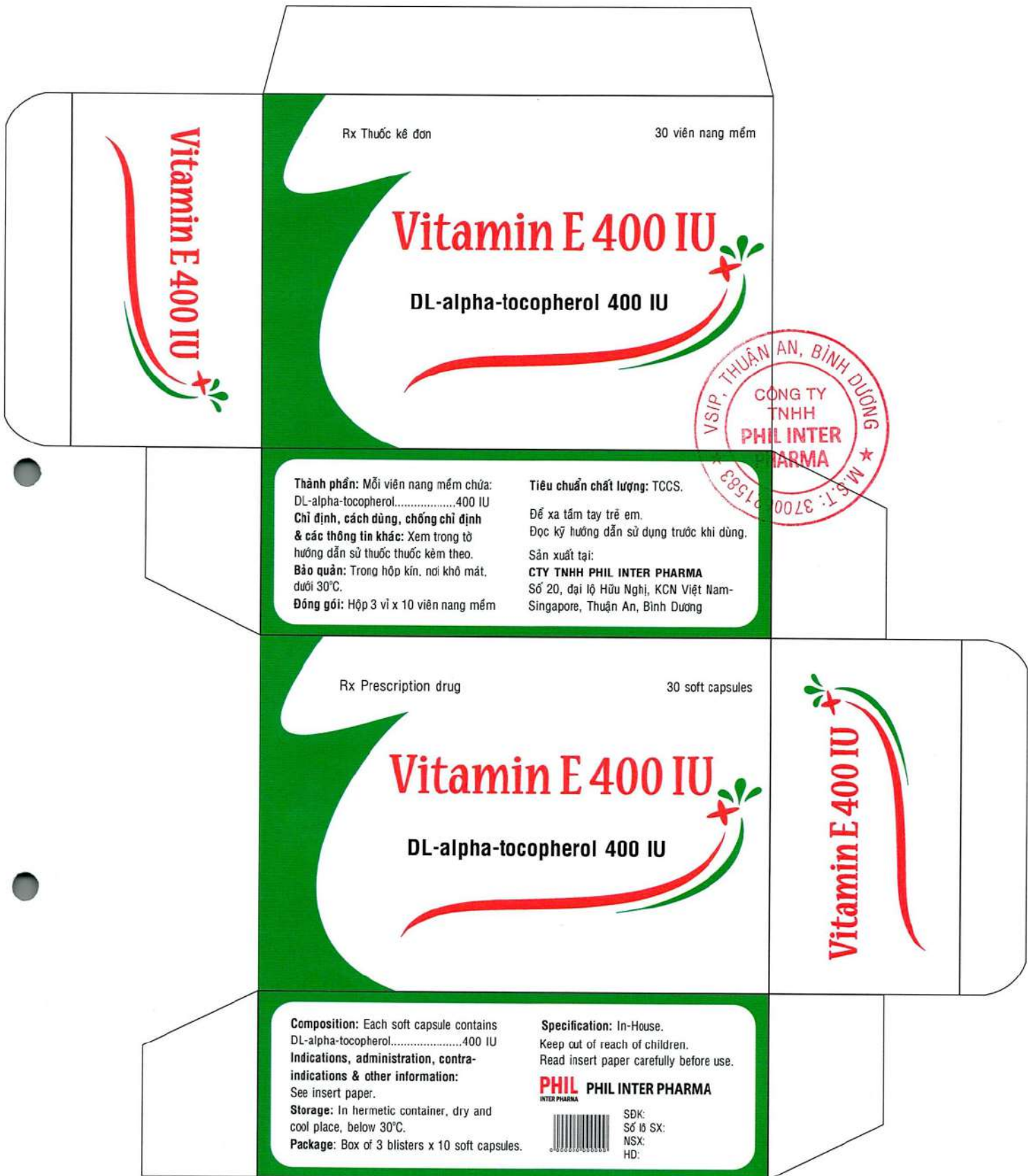




TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG





Rx Thuốc kê đơn

100 viên nang mềm

Vitamin E 400 IU

DL-alpha-tocopherol 400 IU

Thành phần: Mỗi viên nang mềm chứa:
DL-alpha-tocopherol.....400 IU
Chỉ định, cách dùng, chống chỉ định & các thông tin khác:
Xem trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
Bảo quản:
Trong hộp kín, nơi khô mát, dưới 30°C.
Đóng gói:
Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm.
Tiêu chuẩn chất lượng: TCCS.

Sản xuất tại:
CITY TNHH PHIL INTER PHARMA
Số 20, đại lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam-
Singapore, Thuận An, Bình Dương

M.S.T: 3700

Rx Prescription drug

100 soft capsules

Vitamin E 400 IU

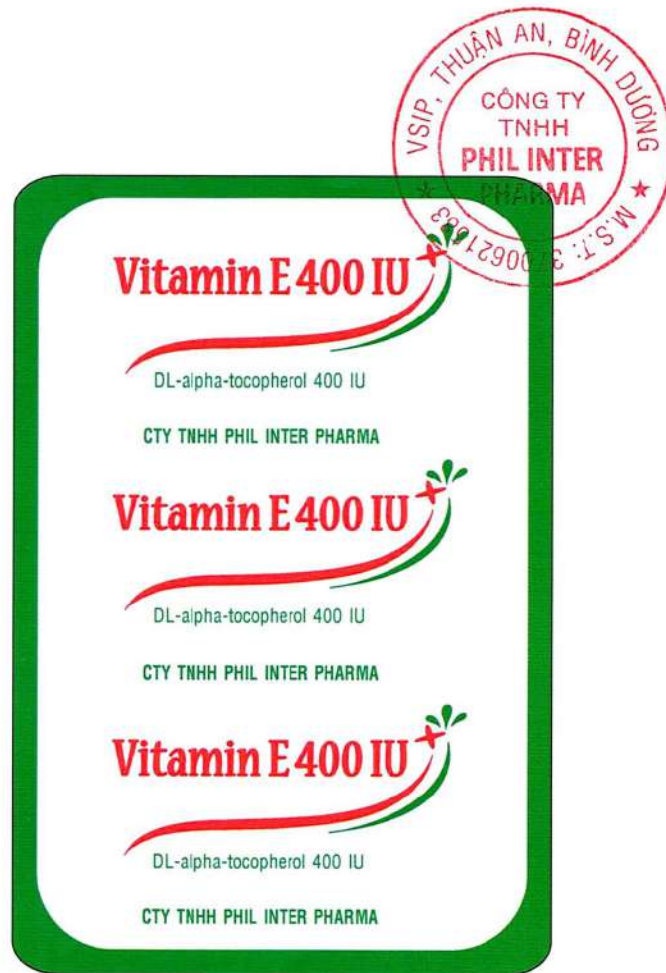
DL-alpha-tocopherol 400 IU

Composition: Each soft capsule contains:
DL-alpha-tocopherol.....400 IU
**Indications, administration, contra-
indications & other information:**
See insert paper.
Storage:
In hermetic container, dry and cool place,
below 30°C.
Package:
Box of 10 blisters x 10 soft capsules.
Specification: In-House.
Keep out of reach of children.
Read insert paper carefully before use.



SDC: S016 SX
NSX: HD
PHIL PHIL INTER PHARMA
INTER PHARMA





Số lô SX, HD được dập trên vỉ

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



Túi nhôm



Vitamin E 400 IU

LSX:

HD:

PHIL INTER PHARMA

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG



CHÀU THỊ SƯƠNG LAN

Rx

Vitamin E 400 IU



Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc.

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Mỗi viên nang mềm chứa:

Thành phần hoạt chất: DL-alpha-tocopherol.....400 IU

Thành phần tá dược: Dầu đậu nành, gelatin, glycerin đậm đặc, ethyl vanillin, nước tinh khiết.

DẠNG BẢO CHẾ

Viên nang mềm hình thuôn, màu vàng nhạt, bên trong có chứa dịch thuốc màu vàng.

CHỈ ĐỊNH

Điều trị và phòng thiếu vitamin E (chủ yếu là do bệnh lý kém hấp thu mỡ do teo đường dẫn mật hoặc thiếu betalipoprotein huyết, do chế độ ăn thiếu vitamin E).

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Cách dùng: dùng đường uống.

Liều dùng:

- Bệnh thiếu betalipoprotein huyết: 50-100 IU/kg/ngày.
- Bệnh thiếu máu beta-thalassemia: 2 viên/ngày.
- Bệnh tế bào hồng cầu hình liềm: 1 viên/ngày.
- Người lớn: liều khuyến cáo 1 viên/ngày hoặc theo chỉ dẫn của thầy thuốc.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Tỷ lệ viêm ruột hoại tử cần được chú ý khi điều trị vitamin E cho trẻ sơ sinh thiếu tháng có cân nặng dưới 1,5 kg.

Liều cao vitamin E được báo cáo là có khuynh hướng gây chảy máu ở bệnh nhân thiếu hụt vitamin K hoặc đang sử dụng thuốc chống đông máu.

Ảnh hưởng của vitamin E phần lớn chỉ được nghiên cứu trong vài tuần hoặc vài tháng, vì thế những ảnh hưởng mãn tính suốt đời khi dùng liều cao, kéo dài vẫn còn chưa rõ ràng. Tuy vậy, cần thận trọng khi điều trị và cần lưu ý liều cao vitamin E trên 400 đvqt/ngày hoặc cao hơn ở những người bị bệnh mãn tính có liên quan đến sự tăng lên của tỷ lệ tử vong do mọi nguyên nhân.

Thuốc này chứa dầu đậu nành. Nếu bạn bị dị ứng với đậu phộng hoặc đậu nành, không sử dụng loại thuốc này.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Thời kỳ mang thai:

Trong thời kỳ mang thai, thiếu hoặc thừa vitamin E đều không gây biến chứng cho mẹ hoặc thai nhi. Ở người mẹ được dinh dưỡng tốt, lượng vitamin E có trong thức ăn là đủ và không cần bổ sung. Nếu chế độ ăn kém, nên bổ sung cho đủ nhu cầu hàng ngày khi có thai.

Thời kỳ cho con bú:

Vitamin E vào sữa. Sữa người có lượng vitamin E gấp 5 lần sữa bò và có hiệu quả hơn trong việc duy trì đủ lượng vitamin E trong huyết thanh cho trẻ đến 1 năm tuổi. Nhu cầu vitamin E hàng ngày trong khi cho con bú là 12 mg. Chỉ cần bổ sung cho mẹ khi thực đơn không cung cấp đủ lượng vitamin E cần cho nhu cầu hàng ngày.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Không ảnh hưởng.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

Vitamin E hoặc dạng chuyển hóa làm giảm hiệu quả của vitamin K và làm tăng hiệu quả của thuốc chống đông máu.

Dùng đồng thời vitamin E và acid acetylsalicylic có nguy cơ gây chảy máu.

Vitamin E có thể làm tăng hấp thu, sử dụng và dự trữ vitamin A. Vitamin E bảo vệ vitamin A khỏi bị thoái hóa do oxy hóa làm cho nồng độ vitamin A trong tế bào tăng lên; vitamin E cũng bảo vệ chống lại tác dụng của chứng thừa vitamin A. Tuy nhiên, các tác dụng này còn đang tranh luận.

Vitamin E liều trên 10 đvqt/kg có thể làm chậm đáp ứng của việc điều trị sắt ở trẻ em thiếu máu do thiếu sắt. Trẻ sơ sinh nhẹ cân được bổ sung sắt có thể làm tăng thiếu máu tan máu do thiếu hụt vitamin E.

Sử dụng quá thừa dầu khoáng có thể làm giảm hấp thu vitamin E.

Colestyramin, colestipol, orlistat có thể cản trở hấp thu vitamin E. Sử dụng cách nhau ít nhất 2 giờ.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Vitamin E thường dung nạp tốt.

Thần kinh trung ương: đau đầu, chóng mặt.

Mắt: mờ mắt.

Tiêu hóa: buồn nôn, tiêu chảy, đau bụng, rối loạn tiêu hóa, viêm ruột hoại tử.

Nội tiết và chuyển hóa: bất thường ở tuyến sinh dục, đau nhức vú, tăng cholesterol và triglycerid huyết thanh, giảm thyroxin và triiodothyronin huyết thanh.

Thận: creatin niệu, tăng creatin kinase huyết thanh, tăng estrogen và androgen trong nước tiểu.

Khác: phát ban, viêm da, mệt mỏi.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Rối loạn đường tiêu hóa thoáng qua được báo cáo khi dùng liều cao hơn 1g/ngày, nếu cần thiết, có thể áp dụng các biện pháp hỗ trợ điều trị.

ĐẶC TÍNH DƯỢC LỰC HỌC

Nhóm dược lý: Vitamin.

Mã ATC: A11H A03.

Vai trò chính xác của vitamin E trong cơ thể động vật chưa được thiết lập. Vitamin E được biết có chức năng sinh lý quan trọng như là chất chống oxy hóa cho các chất béo, cùng với tác dụng của vitamin A, các carotenoid và acid béo không bão hòa. Mặc khác, đã chứng minh rằng vitamin E có liên quan đến việc duy trì một số yếu tố cần thiết cho chu trình trao đổi chất thông thường.

ĐẶC TÍNH DƯỢC ĐỘNG HỌC

Vitamin E hấp thu qua đường tiêu hóa. Hầu hết các vitamin hiện diện trong bạch huyết và sau đó phân bố rộng rãi đến tất cả các mô. Hầu hết liều dùng thải trừ chậm vào mật, phần còn lại thải trừ qua nước tiểu dưới dạng các glucuronid của acid tocopheronic hoặc các chất chuyển hóa khác.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vỉ x 10 viên nang mềm.

Hộp 10 vỉ x 10 viên nang mềm.

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Điều kiện bảo quản: Trong hộp kín, nơi khô mát, dưới 30°C.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA

Số 20, đại lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.

TP. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

